

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 02 năm 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bằng và bà Võ Thị Thanh
Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân thành
phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang
tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu
Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:
342/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân
và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-
HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Quách Thị Thùy D, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp K, xã K,
huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Huy P, sinh năm 1982; địa chỉ: số C, khóm C,
phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn bà D, bị đơn ông P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ
án, nguyên đơn bà Quách Thị Thùy D trình bày:

Bà D và ông V do mai mối nên quen biết, tiến đến hôn nhân và chung
sống vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành

phố C, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37, ngày 25/3/2013.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn là do bạo lực tình dục, vợ chồng thường xuyên cãi vã, kinh tế không đảm bảo, nghĩa vụ người chồng không đảm bảo cuộc sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên bà D yêu cầu ly hôn ông V.

Về con chung: Bà D khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ biên bản xác minh khóm C, phường V thể hiện bà D và ông P hiện không còn sống chung với nhau, mâu thuẫn thế nào thì ban khóm không rõ.

Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng, cứ hòa giải về hôn nhân, tài sản chung, nợ chung giữa các đương sự nhưng cả hai lần ông P đều vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố ý kiến của các đương sự, biên bản xác minh.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS năm 2015.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, thể hiện: Năm 2013, bà D và ông P đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Theo nguyên đơn, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P. Bị đơn Phương biết việc bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng ông xin không hòa giải, xin vắng mặt khi Tòa án xét.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong suốt thời gian chung sống bà **D**, ông **P** thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa hợp, qua xác minh hiện không còn sống chung với nhau, trong thời gian sống ly thân, vợ chồng cũng không chủ động hàn gắn tình cảm. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết biết việc bà **D** khởi kiện nhưng ông **P** không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, thể hiện ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên việc bà **D** yêu cầu được ly hôn với ông **P** là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ phân tích trên, Căn cứ các Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn cư trú trên địa bàn **thành phố C**. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung

[3] Bà **Quách Thị Thùy D** và ông **Nguyễn Huy P** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C**, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37, ngày 25/3/2013 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét nguyên nhân mâu thuẫn mà bà **D** trình bày, ông **P** không có ý kiến, cho thấy không có thiện chí hàn gắn, níu kéo lại tình cảm vợ chồng mà bỏ mặc cả hai mạnh ai nấy sống. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau,, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, bà **D** cương quyết ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **D** như đề nghị của Kiểm sát viên..

[4] Về con chung, không có nên không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí:

Bà **Quách Thị Thùy D** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003597 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà **Quách Thị Thùy D** đã nộp đủ án phí. Ông **Nguyễn Huy P** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Quách Thị Thùy D**.

[1] Về quan hệ hôn nhân, bà **Quách Thị Thùy D** được ly hôn ông **Nguyễn Huy P**.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm

Bà **Quách Thị Thùy D** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003597 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà **Quách Thị Thùy D** đã nộp đủ án phí. Ông **Nguyễn Huy P** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết bà **Quách Thị Thùy D** và ông **Nguyễn Huy P** có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà